

Bản án số: 248/2024/HS-PT

Ngày: 25 - 12 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Võ Trung Hiếu;

Ông Võ Ngọc Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Hồ Minh Hiếu, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 231/2024/TLPT-HS ngày 04 tháng 11 năm 2024 đối với các bị cáo Nguyễn Văn Thanh T, Đặng Tuyết N do có kháng cáo của các bị cáo và bị hại Phạm Thị T1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2024/HS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Nguyễn Văn Thanh T, sinh ngày 30/12/1990, tại tỉnh Long An; Số căn cước công dân: 080090020646;

- Nơi đăng ký thường trú: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Long An;

- Nơi ở hiện nay: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

- Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 8/12;

- Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

- Cha: Nguyễn Văn Bé T2; Mẹ: Đặng Thị H; Bị cáo chưa có vợ, con;

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/5/2024. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Đặng Tuyết N, sinh ngày 12/9/1995, tại tỉnh Tiền Giang; Số căn cước công dân: 082095007830;

- Nơi cư trú: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 03/12;
- Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;
- Cha: Đặng Văn H1 (đã chết); Mẹ: Lê Thị C; Bị cáo chưa có vợ, con;
- Tiền án, tiền sự: Không;
- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/5/2024. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại có kháng cáo: **Phạm Thị T1**, sinh năm 1952 (vắng mặt);*

- Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra, trong vụ án có 01 người bị hại không có kháng cáo; Bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Thanh T, Đặng Tuyết N là bạn bè chơi chung. Vào ngày 16/11/2023, tại nhà T thuộc ấp H, xã M, huyện C, tổ chức uống rượu gồm T, N, ông Nguyễn Văn Bé T2 (là cha của T) và ông Đặng Văn L, sinh năm 1969 thường trú cùng ấp, đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày thì nghỉ. Sau đó, T rủ N đi cắt trộm mít bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì N đồng ý. Khi đi, đi T đem theo con dao thái lan cất trong người, N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Jupiter, biển số 52Z6-2578 chở T đến gửi xe tại nhà Đặng Văn L1, sinh năm 1980, ngụ ấp H, xã M, huyện C, rồi cùng đi bộ đến vườn mít của anh Phan Văn P, sinh năm 1982, ngụ cùng ấp để tìm trộm mít. Tại đây, T trèo qua hàng rào lưới B40 vào vườn cắt trộm 05 trái mít có trọng lượng mỗi trái từ 06 kg đến 13kg rồi kéo hàng rào lưới B40 phía bên dưới chuyền ra cho N cất giữ. Sau đó, cả hai tiếp tục qua vườn của bà Phạm Thị T1, sinh năm 1952 cắt trộm 16 trái mít trọng lượng mỗi trái từ 07 kg đến 11 kg. Khi cả hai đang chuẩn bị gom mít đưa đi tiêu thụ thì bị Phan Hữu T3, sinh năm 2007 phát hiện, truy hô nên T và N bỏ chạy đến nhà anh L1 lấy xe mô tô chạy đi.

** Vật chứng thu giữ: 05 trái mít tổng trọng lượng 52 kg, 16 trái mít tổng trọng lượng 143,5 kg; 01 con dao dài khoảng 30 cm, cán bằng nhựa màu đen dài khoảng 10 cm, lưới sắc nhọn màu trắng dài khoảng 20 cm; 01 xe mô tô nhãn hiệu Jubiter biển số 52Z6-2578; 01 giấy đăng ký xe mô tô số 024732 mang tên Nguyễn Thị Kim T4.*

Kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 10/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, kết luận: đối với mít của người bị hại Phan Văn P gồm 02 trái mít thái siêu sớm tổng trọng lượng 15kg,

thuộc loại mít rút nhỏ trị giá 157.500 đồng; 03 trái mít thái siêu sớm tổng trọng lượng 37 kg thuộc loại mít rút lớn trị giá 684.500 đồng; đối với mít của người bị hại Phạm Thị T1 gồm 11 trái mít thái siêu sớm tổng trọng lượng 92,5 kg, thuộc loại mít rút nhỏ trị giá 971.250 đồng; 05 trái mít thái siêu sớm tổng trọng lượng 51 kg thuộc loại mít rút lớn trị giá 943.500 đồng. tổng trị giá 2.756.750 đồng.

Xử lý vật chứng: 05 trái mít tổng trọng lượng 52 kg đã trao trả lại cho Phan Văn P, 16 trái mít tổng trọng lượng 143,5 kg trao trả lại cho Phạm Thị T1.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Jubiter biển số 52Z6-2578 do chị Nguyễn Thị Kim T4 đứng tên chủ sở hữu, bị cáo N đã mua lại sử dụng, chưa làm thủ tục sang tên.

Hiện tại, còn tạm giữ 01 con dao dài khoảng 30 cm, cán bằng nhựa màu đen dài khoảng 10 cm, lưỡi sắc nhọn màu trắng dài khoảng 20 cm; 01 xe mô tô nhãn hiệu Jubiter biển số 52Z6-2578; 01 giấy đăng ký xe mô tô số 024732 mang tên Nguyễn Thị Kim T4.

* Về trách nhiệm dân sự: Phan Văn P và Phạm Thị T1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn Thanh T còn khai nhận, trước ngày 16/11/2023 (không nhớ ngày cụ thể) cùng với Trần Minh T5, sinh ngày 10/3/1992, địa chỉ ấp F, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang thực hiện 04 lần trộm cắp mít tại vườn của chị Phạm Thị T1 đem bán cho Huỳnh Thanh V. Qua xác minh không thu giữ được vật chứng, đồng thời thời điểm mất trộm người bị hại không tố giác nên không xác định cụ thể thời gian, số lượng, trọng lượng, loại mít và số tiền bán trong những lần trộm. Do đó, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C có văn bản số 30/HĐĐGTS ngày 19/7/2024 xác định là không đủ căn cứ định giá.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2024/HS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn Thanh T** và **Đặng Tuyết N** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Thanh T 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Đặng Tuyết N 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

* Ngày 18 tháng 9 năm 2024, bị cáo Nguyễn Văn Thanh T và Đặng Tuyết N có đơn kháng cáo với nội dung: Xin được hưởng án treo hoặc hình phạt cải tạo không giam giữ.

* Ngày 18 tháng 9 năm 2024, bị hại Phạm Thị T1 có đơn kháng cáo với nội dung: Cho bị cáo Nguyễn Văn Thanh T và Đặng Tuyết N được hưởng án treo hoặc chịu hình phạt cải tạo không giam giữ.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Các bị cáo Nguyễn Văn Thanh T và Đặng Tuyết N thống nhất khai nhận hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản án sơ thẩm, đồng thời có ý kiến giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Bị hại Phạm Thị T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

- Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Xét thấy bản án sơ thẩm xét xử Nguyễn Văn Thanh T và Đặng Tuyết N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; tuyên phạt bị cáo T 01 năm tù, bị cáo N 06 tháng tù là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo và bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị hại Phạm Thị T1 có kháng cáo, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Xét sự vắng mặt của bị hại không vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan và không gây trở ngại cho việc xét xử, nên theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt bị hại.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo Nguyễn Văn Thanh T và Đặng Tuyết N tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết quả khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở xác định: Rạng sáng ngày 16/11/2023, các bị cáo đã đột nhập vườn của anh Phan Văn P và bà Phạm Thị T1 tại ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang cắt trộm 21 trái mít, trị giá 2.756.750 đồng. Vì thế, bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của của bị hại được pháp luật bảo hộ, gây ảnh

hưởng xấu đến tình hình trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, nên xử phạt các bị cáo hình phạt nghiêm khắc là cần thiết.

[4] Khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện; vai trò tham gia, đặc điểm nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo, xử phạt bị cáo T 01 năm tù, bị cáo N 06 tháng tù là phù hợp. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không bổ sung được tình tiết giảm nhẹ nào mới ngoài tình tiết đã được Tòa cấp sơ thẩm xem xét, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo và bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận, nên các bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

[7] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Thanh T, Đặng Tuyết N và bị hại Phạm Thị T1; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2024/HS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Thanh T và Đặng Tuyết N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự

Xử phạt:

2.1. Bị cáo Nguyễn Văn Thanh T 01 (Một) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2.2. Bị cáo Đặng Tuyết N 06 (Sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo T, N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- THADS huyện C;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Xuân Tuấn